TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/KDTM-ST
Ngày: 28/3/2025.
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hạnh.

2. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2025/TLST-KDTM, ngày 28 tháng 3 năm 2025, về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST-DS, ngày 19 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2025/QĐST-DS, ngày 10 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Á.

Địa chỉ: số D N, phường E, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình L - Chức vụ: Phí Giám đốc Phòng Quản lý nợ.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Bá L1 - Nhân viên xử lý nợ, có mặt.

Địa chỉ: Lầu H, Tòa nhà A, D C, phường A, Q, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn K – sinh năm 1980, có mặt.

Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1982, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện được Tòa án thụ lý, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Á trình bày nội dung khởi kiện với các yêu cầu như sau:

- Ngân hàng TMCP Á – Chi nhánh G có cho ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H vay số tiền 595.000.000đồng, theo bản thỏa thuận chung số KIG.CN.2203.230921, ký ngày 23/9/2021; hợp đồng cấp tín dụng số KIG.CN.2129.230921, ký ngày 29/9/2021; hợp đồng sửa đổi, bổ sung số KIG.CN.2129.230921/SĐBS-01, ký ngày 25/01/2022, số KIG.CN.2129.230921/SĐBS-02, ký ngày 23/02/2022, số KIG.CN.2129.230921/SĐBS-03, ký ngày 25/10/2023, mục đích vay sản xuất kinh doanh, bổ sung vốn lưu động kinh doanh vật tư nông nghiệp. Thời hạn vay là 06 tháng, hình thức thanh toán lãi hàng tháng; lãi suất thỏa thuận là 09%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Sau khi ký hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H tổng số tiền 595.000.000đồng. Khi vay tiền ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số KIG.BĐCN.306.280820, ngày 31/8/2020; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số KIG.BĐCN.122.240715, ngày 24/7/2015; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất bổ sung số KIG.BĐCN.122.240715/SĐBS-01, ngày 31/8/2020015; Phiếu đăng ký thế chấp ngày 31/8/2020; Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp ngày 24/7/2015, gồm các tài sản sau:

Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa số 565, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện G thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H.

Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa số 30961-01-608, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện G thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H.

Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa số 313, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp K, xã T, huyện G thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn K và

bà Nguyễn Thị H.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H không thực hiện nghĩa vụ đúng cam kết. Hiện tại, dư nợ gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 28/3/2025, gồm: 549.971.581đồng vốn gốc, lãi trong hạn là 4.107.945đồng và lãi quá hạn là 85.162.617đồng, phạt lãi chậm trả là 435.539đồng tổng cộng bằng 684.677.682đồng.

Nay Ngân hàng TMCP Á yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H phải trả hết tổng số tiền nợ của khoản có vay thế chấp tài sản là 684.677.682đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã thỏa thuận đến khi tất toán hợp đồng.

Trường hợp ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H không có mặt tại phiên tòa. Trong quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ kiện, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến nay ông Nguyễn Văn K có mặt ở địa phương, Tòa án đã tiến hành tống đạt các thủ tục tố tụng theo qui định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự do ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H nhận nhưng bà Nguyễn Thị H không có văn bản trình bày ý kiến về số nợ vợ chồng ông bà vay của Ngân hàng TMCP Á.

- Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Á có ý kiến xin giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng số tiền vay và lãi phát sinh theo bảng tính lãi ngày 28/3/2025 và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi tất toán hợp đồng. Trường hợp ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ.

- Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn K thống nhất với số tiền mà ngân hàng yêu cầu, ông đồng ý trả hết số nợ vay và lãi phát sinh cho ngân hàng. Tuy nhiên, hiện vợ chồng ông đang làm thủ tục bán đất để trả nợ cho ngân hàng, nếu ông không bán được thì đồng ý giao tài sản thế chấp cho ngân hàng P1 thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP Á với ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H là tranh chấp về kinh doanh thương mại do các bên đều có đăng ký kinh doanh và nhằm mục đích lợi nhuận được quy định tại Điều 30, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Khi Ngân hàng TMCP Á khởi kiện ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H, do không nộp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của ông Nguyễn Văn K cho Tòa án nên Tòa án đã thụ lý vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo thủ tục vụ án dân sự, đến ngày 28/3/2025, Ngân hàng TMCP Á nộp bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 56H8001455 đăng ký lần đầu ngày 14/8/2017. Đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 13/02/2020 của ông Nguyễn Văn K, Tòa án đã có thông báo số 29/2025/TB-TA, ngày 28 tháng 3 năm 2025, về việc chuyển thủ tục giải quyết vụ án dân sự sang vụ án kinh doanh thương mại.

Bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa 02 lần không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt bà Nguyễn Thị H.

[2] Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Á là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" với mục đích vay tài sản được quy định tại Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự. Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy giao dịch giữa các đương sự là thỏa thuận vay tài sản sản. Do vậy, khi các bên xảy ra tranh chấp thì căn cứ vào các quy định về hợp đồng vay tài sản để giải quyết là phù hợp pháp luật.

[3] Tại các hợp đồng tín dụng số KIG.CN.2129.230921, ký ngày 29/9/2021 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung năm 2022, 2023 giữa các bên có quy định về lãi suất, thời hạn vay, phương thức thanh toán nợ gốc và lãi. Những quy định trong hợp đồng không trái với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng N hướng dẫn các tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt

Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Tuy nhiên, trong thời gian thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H không thực hiện đúng cam kết, từ ngày 06/3/2024, ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H không thanh toán cho Ngân hàng, do ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ vào Điều 466 Bộ luật Dân sự buộc ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H phải trả khoản nợ vay và lãi phát sinh cho Ngân hàng là phù hợp.

[4] Khi ký kết hợp đồng tín dụng, các bên có ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số KIG.BĐCN.306.280820, ngày 31/8/2020; số KIG.BĐCN.122.240715, ngày 24/7/2015 và số KIG.BĐCN.122.240715/SĐBS-01, ngày 31/8/2020015 để đảm bảo nghĩa vụ của bên vay, vì vậy, Ngân hàng TMCP Á yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp phía ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H không thực hiện nghĩa vụ là phù hợp với quy định tại Điều 323 Bộ luật dân sự và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H phải tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi tất toán khoản vay là phù hợp với nội dung Án lệ số 08/2016AL ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này.

[6] Ông Nguyễn Văn K có đăng ký kinh doanh theo hình thức hộ kinh doanh, mặc dù hiện nay ông K không còn hoạt động kinh doanh, tuy nhiên, theo quy định tại Điều 66 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP, ngày 14/9/2015 về đăng ký doanh nghiệp thì hộ kinh doanh phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh. Vì vậy, hộ kinh doanh ông Nguyễn Văn K phải chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

[7] Tại thời điểm vay nợ Ngân hàng ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng. Vợ chồng ông bà cùng ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản, mục đích vay sản xuất kinh doanh, bổ sung vốn lưu động kinh doanh vật tư nông nghiệp để phát triển kinh tế gia đình nên khi Ngân hàng khởi kiện ông bà căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 buộc ông K và bà H cùng phải có nghĩa vụ trả nợ chung.

[8] Về án phí KDTMST có giá ngạch: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H phải nộp 29.947.000đồng [20.000.000đồng + (284.677.682 đồng x 4%)].

Ngân hàng TMCP Á được nhận lại 14.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006152 ngày 23/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 26, 35, 39, 147, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 317, 318, 323, 325, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Áp dụng Điều 91 và 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 2 Điều 8 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Áp dụng Điều 66 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP, ngày 14/6/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xử: Buộc ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Á tổng số tiền 684.677.682 (sáu trăm tám mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm tám mươi hai) đồng của hợp đồng tín dụng, gồm có số

tiền nợ gốc là 594.971.581 (năm trăm chín mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi mốt nghìn năm trăm tám mươi mốt) đồng và lãi suất phát sinh tính đến ngày xét xử theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 89.706.101 (tám mươi chín triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn một trăm lẻ một) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Á, thì Ngân hàng TMCP Á có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xử lý tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ số nợ trên gồm:

Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa số 565, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện G thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H.

Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa số 30961-01-608, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện G thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H.

Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa số 313, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp K, xã T, huyện G thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H.

Khi ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H trả hết số nợ đã vay và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng TMCP Á, thì Ngân hàng TMCP Á có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận QSD đất số BN 672200, được Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 08/5/2013, giấy chứng nhận QSD đất số AI 982494, được Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 30/10/2007, được biến động sang tên ông Nguyễn Văn K

vào ngày 07/10/2016 và giấy chứng nhận QSD đất số BX 068007, được Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 22/6/2015 cho ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H phải nộp 29.947.000đồng.

Ngân hàng TMCP Á được nhận lại 14.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006152 ngày 23/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

"Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKS Gò Quao;
-Chi cục THA;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang